



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 06 : 2009/BTNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ MỘT SỐ CHẤT ĐỘC HẠI TRONG KHÔNG KHÍ XUNG QUANH
National technical regulation on hazardous substances in ambient air

HÀ NỘI – 2009

Lời nói đầu

QCVN 06 : 2009/BTNMT do Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí biên soạn, Tổng cục Môi trường, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế trình duyệt, ban hành kèm theo Thông tư số 16/2009/TT-BTNMT ngày 07 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

VỀ MỘT SỐ CHẤT ĐỘC HẠI TRONG KHÔNG KHÍ XUNG QUANH *National technical regulation on hazardous substances in ambient air*

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi áp dụng

1.1.1. Quy chuẩn này quy định nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

1.1.2. Quy chuẩn này áp dụng để đánh giá chất lượng không khí xung quanh và giám sát tình trạng ô nhiễm không khí.

1.1.3. Quy chuẩn này không áp dụng để đánh giá chất lượng không khí trong phạm vi cơ sở sản xuất hoặc không khí trong nhà.

1.2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.2.1. Trung bình một giờ: Là trung bình số học các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ đối với các phép đo thực hiện hơn một lần trong một giờ, hoặc giá trị phép đo thực hiện 01 lần trong khoảng thời gian một giờ. Giá trị trung bình được đo nhiều lần trong 24 giờ (một ngày đêm) theo tần suất nhất định. Giá trị trung bình giờ lớn nhất trong số các giá trị đo được trong 24 giờ được lấy so sánh với giá trị giới hạn quy định tại Bảng 1.

1.2.2. Trung bình 8 giờ: Là trung bình số học các giá trị đo được trong khoảng thời gian 8 giờ liên tục.

1.2.3. Trung bình 24 giờ: là trung bình số học các giá trị đo được trong khoảng thời gian 24 giờ (một ngày đêm).

1.2.4. Trung bình năm: là trung bình số học các giá trị trung bình 24 giờ đo được trong khoảng thời gian một năm.

2. QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh quy định tại Bảng 1.

Bảng 1: Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh

Đơn vị: Microgam trên mét khối ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)

TT	Thông số	Công thức hóa học	Thời gian trung bình	Nồng độ cho phép
Các chất vô cơ				
1	Asen (hợp chất, tính theo As)	As	1 giờ	0,03
			Năm	0,005
2	Asen hydrua (Asin)	AsH ₃	1 giờ	0,3
			Năm	0,05
3	Axit clohydric	HCl	24 giờ	60

4	Axit nitric	HNO ₃	1 giờ	400
			24 giờ	150
5	Axit sunfuric	H ₂ SO ₄	1 giờ	300
			24 giờ	50
			Năm	3
6	Bụi có chứa ôxít silic > 50%		1 giờ	150
			24 giờ	- 50
7	Bụi chứa amiăng Chrysotil	Mg ₃ Si ₂ O ₃ (OH)	-	1 sợi/m ³
8	Cadimi (khói gồm ôxít và kim loại – theo Cd)	Cd	1 giờ	0,4
			8 giờ	0,2
			Năm	0,005
9	Clo	Cl ₂	1 giờ	100
			24 giờ	30
10	Crom VI (hợp chất, tính theo Cr)	Cr ⁺⁶	1 giờ	0,007
			24 giờ	0,003
			Năm	0,002
11	Hydroflorua	HF	1 giờ	20
			24 giờ	5
			Năm	1
12	Hydrocyanua	HCN	1 giờ	10
13	Mangan và hợp chất (tính theo MnO ₂)	Mn/MnO ₂	1 giờ	10
			24 giờ	8
			Năm	0,15
14	Niken (kim loại và hợp chất, tính theo Ni)	Ni	24 giờ	1
15	Thủy ngân (kim loại và hợp chất, tính theo Hg)	Hg	24 giờ	0,3
Các chất hữu cơ				
16	Acrolein	CH ₂ =CHCHO	1 giờ	50
17	Acrylonitril	CH ₂ =CHCN	24 giờ	45
			Năm	22,5
18	Anilin	C ₆ H ₅ NH ₂	1 giờ	50
			24 giờ	30
19	Axit acrylic	C ₂ H ₃ COOH	Năm	54
20	Benzen	C ₆ H ₆	1 giờ	22
			Năm	10

21	Benzidin	$\text{NH}_2\text{C}_6\text{H}_4\text{C}_6\text{H}_4\text{NH}_2$	1 giờ	KPHT
22	Cloroform	CHCl_3	24 giờ	16
			Năm	0,04
23	Hydrocabon	C_nH_m	1 giờ	5000
			24 giờ	1500
24	Fomaldehyt	HCHO	1 giờ	20
25	Naphtalen	C_{10}H_8	8 giờ	500
			24 giờ	120
26	Phenol	$\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$	1 giờ	10
27	Tetracloretylen	C_2Cl_4	24 giờ	100
28	Vinyl clorua	$\text{ClCH}=\text{CH}_2$	24 giờ	26
Các chất gây mùi khó chịu				
29	Amoniac	NH_3	1 giờ	200
30	Acetaldehyt	CH_3CHO	1 giờ	45
			Năm	30
31	Axit propionic	$\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOH}$	8 giờ	300
32	Hydrosunfua	H_2S	1 giờ	42
33	Methyl mecarptan	CH_3SH	1 giờ	50
			24 giờ	20
34	Styren	$\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}=\text{CH}_2$	24 giờ	260
			Năm	190
35	Toluen	$\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_3$	Một lần tối đa	1000
			1 giờ	500
			Năm	190
36	Xylen	$\text{C}_6\text{H}_4(\text{CH}_3)_2$	1 giờ	1000
Chú thích: KPHT: không phát hiện thấy				

3. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

Phương pháp phân tích xác định các thông số chất lượng không khí thực hiện theo hướng dẫn của các tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn phân tích tương ứng của các tổ chức quốc tế:

- TCVN 5969:1995 (ISO 4220:1983) Không khí xung quanh. Xác định chỉ số ô nhiễm không khí bởi các khí axit. Phương pháp chuẩn độ phát hiện điểm cuối bằng chất chỉ thị màu hoặc đo điện thế.
- TCVN 6502:1999 (ISO 10312:1995) Không khí xung quanh. Xác định sợi amiăng. Phương pháp kính hiển vi điện tử truyền dẫn trực tiếp.

Các thông số quy định trong Quy chuẩn này chưa có tiêu chuẩn quốc gia hướng dẫn phương pháp phân tích thì áp dụng các tiêu chuẩn phân tích tương ứng của các tổ chức quốc tế.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quy chuẩn này áp dụng thay thế tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5938:2005 – Chất lượng không khí – Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bắt buộc áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường.

Trường hợp các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế về phương pháp phân tích viện dẫn trong Quy chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.